

Số/ No.: VLAB0-260406-004/1

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 1/5

Tên khách hàng/ Company<sup>(1)</sup>: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG**  
Địa chỉ/ Address<sup>(1)</sup>: 119 Bạch Đằng, Khu phố 7, Phường Kiến Tường, Tỉnh Tây Ninh  
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: 06/04/2026  
Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 06/04/2026 đến 20/04/2026  
Tên mẫu/ Sample Name<sup>(1)</sup>: **Nhà máy nước Số 1, phường Kiến Tường, tỉnh Tây Ninh**  
Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu đựng trong can nhựa/ Sample in plastic cans.**

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**  
[Xem trang kế/ See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

<sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp/ <sup>(1)</sup> Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter designated by the Ministry of Industry and Trade.

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

**Phụ trách phòng thí nghiệm**  
Officer in charge of Laboratory



**Phạm Lê Tiến Khánh**

**Tổng giám đốc**  
General Director



**Nguyễn Quốc Toàn**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



**VietLabs**

Your Trusted Partner

# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Số/No: VLAB0-260406-004/1

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 2/5

## Kết quả/result

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
1.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<3
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
4.	Định lượng Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
5.	Độ đục/Turbidity	SMEWW 2130B:2023(a)	NTU	KPH/ND	0,5	2
6.	Độ màu/Color	SMEWW 2120 C:2023(a)	TCU	KPH/ND	6	15
7.	Mùi vị/Odor, Taste	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
8.	Độ cứng/Hardness	SMEWW 2340C:2023(a)	mgCaCO <sub>3</sub> /L	110	-	300
9.	pH/pH value	TCVN 6492: 2011(a)	-	7,82	-	6,0-8,5
10.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/Total Dissolved Solids (TDS)	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	387	-	1000
11.	Hàm lượng Clo tự do (Cl <sub>2</sub> )/Free chlorine content	SMEWW 4500-Cl <sub>2</sub> -B:2023(a)	mg/L	0,38	-	0,2 - 1,0
12.	Chỉ số Pecmanganat/Permanganate index	TCVN 6186:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,5	2

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

### Trung tâm phân tích/Testing Center

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/1

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 3/5

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
13.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)/Ammonium content (NH <sub>3</sub> and NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N)	SMEWW 4500-NH3-C:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	0,3
14.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	94	-	200
15.	Hàm lượng Nitrat/Nitrate content	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
16.	Hàm lượng Clorua (Cl <sup>-</sup> )/Chloride (Cl <sup>-</sup> ) content	SMEWW 4500-Cl-B:2023(a)	mg/L	48,921	-	250 (hoặc 300)(***)
17.	Hàm lượng Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )/Sulfate content	SMEWW4500 (SO4 <sup>2-</sup> )- E 2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
18.	Hàm lượng nitrit/Nitrite content	TCVN 6178: 1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
19.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
20.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
21.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
22.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
23.	Hàm lượng Cyanua/Total cyanua content	SMEWW 4500-CN-E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
24.	Hàm lượng Sunfua/Sulfide content	TCVN 6637: 2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
25.	Hàm lượng Florua (F <sup>-</sup> )/Flouride (F <sup>-</sup> ) content	SMEWW 4500 (F <sup>-</sup> )- D: 2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs  
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/1

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 4/5



TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
26.	Hàm lượng Mangan (Mn)/Manganese (Mn) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
27.	Hàm lượng Đồng (Cu)/Copper (Cu) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
28.	Hàm lượng Niken (Ni)/Nickel (Ni) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
29.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/Zinc (Zn) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
30.	Hàm lượng Sắt (Fe)/Iron (Fe) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
31.	Hàm lượng Nhôm (Al)/Aluminum (Al) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
32.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
33.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
34.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
35.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
36.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
37.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
38.	Phenol và dẫn xuất của Phenol/ Phenols and derivatives	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	Phenol 1, còn lại 0,3	1

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/1

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 5/5

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
39.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
40.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
41.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
42.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
43.	Atrazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
44.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,02	0,1
45.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,3	1,0

**Ghi chú Remark(s):**

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtered volume.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Xuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



# VietLabs

Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/2

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 1/5

Tên khách hàng/ Company<sup>(1)</sup>: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG**  
Địa chỉ/ Address<sup>(1)</sup>: 119 Bạch Đằng, Khu phố 7, Phường Kiến Tường, Tỉnh Tây Ninh  
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: 06/04/2026  
Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 06/04/2026 đến 20/04/2026  
Tên mẫu/ Sample Name<sup>(1)</sup>: **Nhà máy nước Số 2, phường Kiến Tường, tỉnh Tây Ninh**  
Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu đựng trong can nhựa/ Sample in plastic cans.**

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**  
[Xem trang kế/ See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

<sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp/ <sup>(1)</sup> Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter designated by the Ministry of Industry and Trade.

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

**Phụ trách phòng thí nghiệm**  
Officer in charge of Laboratory



**Phạm Lê Tiến Khánh**



**Tổng giám đốc**  
General Director



**Nguyễn Quốc Toàn**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



**VietLabs**  
Your Trusted Partner

# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Số/ No.: VLAB0-202406-004/2

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 2/5

## Kết quả/ result

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
1.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<3
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
4.	Định lượng Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
5.	Độ đục/Turbidity	SMEWW 2130B:2023(a)	NTU	KPH/ND	0,5	2
6.	Độ màu/Color	SMEWW 2120 C:2023(a)	TCU	KPH/ND	6	15
7.	Mùi vị/Odor, Taste	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
8.	Độ cứng/Hardness	SMEWW 2340C:2023(a)	mgCaCO <sub>3</sub> /L	133	-	300
9.	pH/pH value	TCVN 6492: 2011(a)	-	7,6	-	6,0-8,5
10.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/Total Dissolved Solids (TDS)	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	372	-	1000
11.	Hàm lượng Clo tự do (Cl <sub>2</sub> )/Free chlorine content	SMEWW 4500-Cl <sub>2</sub> -B:2023(a)	mg/L	0,38	-	0,2 - 1,0
12.	Chỉ số Pecmanganat/Permanganate index	TCVN 6186:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,5	2

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

### Trung tâm phân tích/Testing Center

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/2

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 3/5

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
13.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)/Ammonium content (NH <sub>3</sub> and NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N)	SMEWW 4500-NH3-C:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	0,3
14.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	76,4	-	200
15.	Hàm lượng Nitrat/Nitrate content	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
16.	Hàm lượng Clorua (Cl <sup>-</sup> )/Chloride (Cl <sup>-</sup> ) content	SMEWW 4500- Cl-B:2023(a)	mg/L	48,921	-	250 (hoặc 300)(***)
17.	Hàm lượng Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )/Sulfate content	SMEWW4500 (SO42-)- E 2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
18.	Hàm lượng nitrit/Nitrite content	TCVN 6178: 1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
19.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
20.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
21.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
22.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
23.	Hàm lượng Cyanua/Total cyanua content	SMEWW 4500-CN-E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
24.	Hàm lượng Sunfua/Sulfide content	TCVN 6637: 2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
25.	Hàm lượng Florua (F <sup>-</sup> )/Flouride (F <sup>-</sup> ) content	SMEWW 4500 (F <sup>-</sup> )- D: 2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Truyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



**VietLabs**

Your Trusted Partner

# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Số/ No.: VLAB0-260406-004/2

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026

Trang/ Page : 4/5



TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
26.	Hàm lượng Mangan (Mn)/Manganese (Mn) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
27.	Hàm lượng Đồng (Cu)/Copper (Cu) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
28.	Hàm lượng Niken (Ni)/Nickel (Ni) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
29.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/Zinc (Zn) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
30.	Hàm lượng Sắt (Fe)/Iron (Fe) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
31.	Hàm lượng Nhôm (Al)/Aluminum (Al) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
32.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
33.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
34.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
35.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
36.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
37.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
38.	Phenol và dẫn xuất của Phenol/ Phenols and derivatives	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	Phenol 1, còn lại 0,3	1

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/2

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 5/5

TT No.	Chi tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
39.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
40.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
41.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	
42.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	
43.	Atrazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
44.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,02	0,1
45.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,3	1,0

**Ghi chú Remark(s):**

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



# VietLabs

Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Xuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/3

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 1/5

Tên khách hàng/ Company<sup>(1)</sup>: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG**  
Địa chỉ/ Address<sup>(1)</sup>: 119 Bạch Đằng, Khu phố 7, Phường Kiến Tường, Tỉnh Tây Ninh  
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: 06/04/2026  
Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 06/04/2026 đến 20/04/2026  
Tên mẫu/ Sample Name<sup>(1)</sup>: **Nhà máy nước Số 3, phường Kiến Tường, tỉnh Tây Ninh**  
Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu đựng trong can nhựa/ Sample in plastic cans.**

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**  
[Xem trang kế/ See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ <sup>(1)</sup> Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.  
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.  
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.  
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.  
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter designated by the Ministry of Industry and Trade.  
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
  - KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.
  - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

**Phụ trách phòng thí nghiệm**  
Officer in charge of Laboratory



**Phạm Lê Tiên Khánh**

**Tổng giám đốc**  
General Director



**Nguyễn Quốc Toàn**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/3

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 2/5

**Kết quả result**



TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
1.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<3
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
4.	Định lượng Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
5.	Độ đục/Turbidity	SMEWW 2130B:2023(a)	NTU	KPH/ND	0,5	2
6.	Độ màu/Color	SMEWW 2120 C:2023(a)	TCU	KPH/ND	6	15
7.	Mùi vị/Odor, Taste	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
8.	Độ cứng/Hardness	SMEWW 2340C:2023(a)	mgCaCO <sub>3</sub> /L	157	-	300
9.	pH/pH value	TCVN 6492: 2011(a)	-	7,6	-	6,0-8,5
10.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/Total Dissolved Solids (TDS)	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	289	-	1000
11.	Hàm lượng Clo tự do (Cl <sub>2</sub> )/Free chlorine content	SMEWW 4500-Cl <sub>2</sub> -B:2023(a)	mg/L	0,33	-	0,2 - 1,0
12.	Chỉ số Pecmanganat/Permanganate index	TCVN 6186:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,5	2

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/3

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 3/5

TT No.	Chi tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
13.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)/Ammonium content (NH <sub>3</sub> and NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N)	SMEWW 4500-NH3-C:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	0,3
14.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	29,2	-	200
15.	Hàm lượng Nitrat/Nitrate content	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
16.	Hàm lượng Clorua (Cl <sup>-</sup> )/Chloride (Cl <sup>-</sup> ) content	SMEWW 4500- Cl-B:2023(a)	mg/L	8,8625	-	250 (hoặc 300)(***)
17.	Hàm lượng Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )/Sulfate content	SMEWW4500 (SO42-)- E 2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
18.	Hàm lượng nitrit/Nitrite content	TCVN 6178: 1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
19.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
20.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
21.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	0,0095	-	0,01
22.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
23.	Hàm lượng Cyanua/Total cyanua content	SMEWW 4500-CN-E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
24.	Hàm lượng Sunfua/Sulfide content	TCVN 6637: 2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
25.	Hàm lượng Florua (F <sup>-</sup> )/Flouride (F <sup>-</sup> ) content	SMEWW 4500 (F <sup>-</sup> )- D: 2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No: VLAB0-260406-004/3

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026

Trang/ Page : 4/5

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
26.	Hàm lượng Mangan (Mn)/Manganese (Mn) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
27.	Hàm lượng Đồng (Cu)/Copper (Cu) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
28.	Hàm lượng Niken (Ni)/Nickel (Ni) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
29.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/Zinc (Zn) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
30.	Hàm lượng Sắt (Fe)/Iron (Fe) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
31.	Hàm lượng Nhôm (Al)/Aluminum (Al) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
32.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
33.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
34.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
35.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
36.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
37.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
38.	Phenol và dẫn xuất của Phenol/ Phenols and derivatives	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	Phenol 1, còn lại 0,3	1

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/3

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 5/5

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
39.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
40.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
41.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
42.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
43.	Atrazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
44.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,02	0,1
45.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,3	1,0

**Ghi chú/ Remark(s):**

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



# VietLabs

Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/4

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 1/5

Tên khách hàng/ Company<sup>(1)</sup>: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG**  
Địa chỉ/ Address<sup>(1)</sup>: 119 Bạch Đằng, Khu phố 7, Phường Kiến Tường, Tỉnh Tây Ninh  
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: 06/04/2026  
Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 06/04/2026 đến 20/04/2026  
Tên mẫu/ Sample Name<sup>(1)</sup>: **Nhà máy nước Số 4, phường Kiến Tường, tỉnh Tây Ninh**  
Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu đựng trong can nhựa/ Sample in plastic cans.**

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**  
[Xem trang kế/ See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ <sup>(1)</sup> Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.  
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.  
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.  
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.  
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter designated by the Ministry of Industry and Trade.  
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
  - KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.
  - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

Phụ trách phòng thí nghiệm  
Officer in charge of Laboratory



**Phạm Lê Tiến Khánh**

Tổng giám đốc  
General Director



**Nguyễn Quốc Toàn**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs  
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/4

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 2/5

**Kết quả/ result**

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
1.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<3
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
4.	Định lượng Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
5.	Độ đục/Turbidity	SMEWW 2130B:2023(a)	NTU	KPH/ND	0,5	2
6.	Độ màu/Color	SMEWW 2120 C:2023(a)	TCU	KPH/ND	6	15
7.	Mùi vị/Odor, Taste	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
8.	Độ cứng/Hardness	SMEWW 2340C:2023(a)	mgCaCO <sub>3</sub> /L	109	-	300
9.	pH/pH value	TCVN 6492: 2011(a)	-	7,83	-	6,0-8,5
10.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/Total Dissolved Solids (TDS)	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	334	-	1000
11.	Hàm lượng Clo tự do (Cl <sub>2</sub> )/Free chlorine content	SMEWW 4500-Cl <sub>2</sub> -B:2023(a)	mg/L	0,33	-	0,2 - 1,0
12.	Chỉ số Pecmanganat/Permanganate index	TCVN 6186:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,5	2

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/4

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 3/5

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
13.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)/Ammonium content (NH <sub>3</sub> and NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N)	SMEWW 4500-NH3-C:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	0,3
14.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	81,6	-	200
15.	Hàm lượng Nitrat/Nitrate content	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
16.	Hàm lượng Clorua (Cl <sup>-</sup> )/Chloride (Cl <sup>-</sup> ) content	SMEWW 4500- Cl-B:2023(a)	mg/L	24,4605	-	250 (hoặc 300)(***)
17.	Hàm lượng Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )/Sulfate content	SMEWW4500 (SO4 <sup>2-</sup> )- E 2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
18.	Hàm lượng nitrit/Nitrite content	TCVN 6178: 1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
19.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
20.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
21.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
22.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
23.	Hàm lượng Cyanua/Total cyanua content	SMEWW 4500-CN-E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
24.	Hàm lượng Sunfua/Sulfide content	TCVN 6637: 2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
25.	Hàm lượng Florua (F <sup>-</sup> )/Flouride (F <sup>-</sup> ) content	SMEWW 4500 (F <sup>-</sup> )- D: 2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs  
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Truyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



**VietLabs**  
Your Trusted Partner

# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Số/ No.: VLABOC-260406-004/4

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 4/5



TT No.	Chi tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
26.	Hàm lượng Mangan (Mn)/Manganese (Mn) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
27.	Hàm lượng Đồng (Cu)/Copper (Cu) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
28.	Hàm lượng Niken (Ni)/Nickel (Ni) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
29.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/Zinc (Zn) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
30.	Hàm lượng Sắt (Fe)/Iron (Fe) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
31.	Hàm lượng Nhôm (Al)/Aluminum (Al) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
32.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
33.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
34.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
35.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
36.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
37.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
38.	Phenol và dẫn xuất của Phenol/ Phenols and derivatives	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	Phenol 1, còn lại 0,3	1

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/4

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 5/5

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
39.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
40.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
41.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
42.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
43.	Atrazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
44.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,02	0,1
45.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,3	1,0

**Ghi chú Remark(s):**

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Xuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



# VietLabs

Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/5

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 1/5

Tên khách hàng/ Company<sup>(1)</sup>: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG**  
Địa chỉ/ Address<sup>(1)</sup>: 119 Bạch Đằng, Khu phố 7, Phường Kiến Tường, Tỉnh Tây Ninh  
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: 06/04/2026  
Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 06/04/2026 đến 20/04/2026  
Tên mẫu/ Sample Name<sup>(1)</sup>: **Nhà máy nước Cái Cát, phường Kiến Tường, tỉnh Tây Ninh**  
Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu đựng trong can nhựa/ Sample in plastic cans.**

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**  
[Xem trang kế/ See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

<sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp/ <sup>(1)</sup> Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter designated by the Ministry of Industry and Trade.

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

**Phụ trách phòng thí nghiệm**  
Officer in charge of Laboratory



**Phạm Lê Tiến Khánh**



**Tổng giám đốc**  
General Director

**Nguyễn Quốc Toàn**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



**VietLabs**  
Your Trusted Partner

# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Số/ No.: VLAB0-260406-004/5

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 2/5

## Kết quả/ result

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
1.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<3
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
4.	Định lượng Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
5.	Độ đục/Turbidity	SMEWW 2130B:2023(a)	NTU	KPH/ND	0,5	2
6.	Độ màu/Color	SMEWW 2120 C:2023(a)	TCU	KPH/ND	6	15
7.	Mùi vị/Odor, Taste	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
8.	Độ cứng/Hardness	SMEWW 2340C:2023(a)	mgCaCO <sub>3</sub> /L	157	-	300
9.	pH/pH value	TCVN 6492: 2011(a)	-	7,6	-	6,0-8,5
10.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/Total Dissolved Solids (TDS)	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	417	-	1000
11.	Hàm lượng Clo tự do (Cl <sub>2</sub> )/Free chlorine content	SMEWW 4500-Cl <sub>2</sub> -B:2023(a)	mg/L	0,33	-	0,2 - 1,0
12.	Chỉ số Pecmanganat/Permanganate index	TCVN 6186:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,5	2

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

### Trung tâm phân tích/Testing Center

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/5

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 3/5

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
13.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)/Ammonium content (NH <sub>3</sub> and NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N)	SMEWW 4500-NH3-C:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	0,3
14.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	76,3	-	200
15.	Hàm lượng Nitrat/Nitrate content	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
16.	Hàm lượng Clorua (Cl <sup>-</sup> )/Chloride (Cl <sup>-</sup> ) content	SMEWW 4500- Cl-B:2023(a)	mg/L	72,6725	-	250 (hoặc 300)(***)
17.	Hàm lượng Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )/Sulfate content	SMEWW4500 (SO4 <sup>2-</sup> )- E 2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
18.	Hàm lượng nitrit/Nitrite content	TCVN 6178: 1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
19.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
20.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
21.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	0,0036	-	0,01
22.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
23.	Hàm lượng Cyanua/Total cyanua content	SMEWW 4500-CN-E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
24.	Hàm lượng Sunfua/Sulfide content	TCVN 6637: 2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
25.	Hàm lượng Florua (F <sup>-</sup> )/Flouride (F <sup>-</sup> ) content	SMEWW 4500 (F <sup>-</sup> )- D: 2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-280406-004/5

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 4/5



TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
26.	Hàm lượng Mangan (Mn)/Manganese (Mn) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
27.	Hàm lượng Đồng (Cu)/Copper (Cu) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
28.	Hàm lượng Niken (Ni)/Nickel (Ni) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
29.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/Zinc (Zn) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
30.	Hàm lượng Sắt (Fe)/Iron (Fe) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
31.	Hàm lượng Nhôm (Al)/Aluminum (Al) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
32.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
33.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
34.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
35.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
36.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
37.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
38.	Phenol và dẫn xuất của Phenol/ Phenols and derivatives	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	Phenol 1, còn lại 0,3	1

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/5

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 5/5

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
39.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
40.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
41.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
42.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
43.	Atrazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
44.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,02	0,1
45.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,3	1,0

**Ghi chú/ Remark(s):**

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Truyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



# VietLabs

Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/6

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 1/5

Tên khách hàng/ Company<sup>(1)</sup>: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG**  
Địa chỉ/ Address<sup>(1)</sup>: 119 Bạch Đằng, Khu phố 7, Phường Kiến Tường, Tỉnh Tây Ninh  
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: 06/04/2026  
Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 06/04/2026 đến 20/04/2026  
Tên mẫu/ Sample Name<sup>(1)</sup>: **Trạm Bình Hòa Đông, xã Bình Hóa, tỉnh Tây Ninh**  
Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu đựng trong can nhựa/ Sample in plastic cans.**

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**  
[Xem trang kế/ See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

<sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp/ <sup>(1)</sup> Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter designated by the Ministry of Industry and Trade.

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

**Phụ trách phòng thí nghiệm**  
Officer in charge of Laboratory



**Phạm Lê Tiến Khánh**



**Tổng giám đốc**  
General Director

**Nguyễn Quốc Toàn**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Cần Thơ** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Truyen Ward, Can Tho City  
**Bạc Liêu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Cà Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/6

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 2/5

**Kết quả result**

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
1.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<3
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
4.	Định lượng Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
5.	Độ đục/Turbidity	SMEWW 2130B:2023(a)	NTU	KPH/ND	0,5	2
6.	Độ màu/Color	SMEWW 2120 C:2023(a)	TCU	KPH/ND	6	15
7.	Mùi vị/Odor, Taste	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
8.	Độ cứng/Hardness	SMEWW 2340C:2023(a)	mgCaCO <sub>3</sub> /L	105	-	300
9.	pH/pH value	TCVN 6492: 2011(a)	-	7,77	-	6,0-8,5
10.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/Total Dissolved Solids (TDS)	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	315	-	1000
11.	Hàm lượng Clo tự do (Cl <sub>2</sub> )/Free chlorine content	SMEWW 4500-Cl <sub>2</sub> -B:2023(a)	mg/L	0,38	-	0,2 - 1,0
12.	Chỉ số Pecmanganat/Permanganate index	TCVN 6186:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,5	2

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/6

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 3/5

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
13.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)/Ammonium content (NH <sub>3</sub> and NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N)	SMEWW 4500-NH3-C:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	0,3
14.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	64,9	-	200
15.	Hàm lượng Nitrat/Nitrate content	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
16.	Hàm lượng Clorua (Cl <sup>-</sup> )/Chloride (Cl <sup>-</sup> ) content	SMEWW 4500-Cl-B:2023(a)	mg/L	29,4235	-	250 (hoặc 300)(***)
17.	Hàm lượng Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )/Sulfate content	SMEWW4500 (SO4 <sup>2-</sup> )- E 2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
18.	Hàm lượng nitrit/Nitrite content	TCVN 6178: 1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
19.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
20.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
21.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
22.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
23.	Hàm lượng Cyanua/Total cyanua content	SMEWW 4500-CN-E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
24.	Hàm lượng Sunfua/Sulfide content	TCVN 6637: 2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
25.	Hàm lượng Florua (F <sup>-</sup> )/Flouride (F <sup>-</sup> ) content	SMEWW 4500 (F <sup>-</sup> )- D: 2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/6

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 4/5



TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
26.	Hàm lượng Mangan (Mn)/Manganese (Mn) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
27.	Hàm lượng Đồng (Cu)/Copper (Cu) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
28.	Hàm lượng Niken (Ni)/Nickel (Ni) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
29.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/Zinc (Zn) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	0,18	-	2
30.	Hàm lượng Sắt (Fe)/Iron (Fe) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
31.	Hàm lượng Nhôm (Al)/Aluminum (Al) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
32.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
33.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
34.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
35.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
36.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
37.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
38.	Phenol và dẫn xuất của Phenol/ Phenols and derivatives	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	Phenol 1, còn lại 0,3	1

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Xuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/6

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 5/5

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
39.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
40.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
41.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
42.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
43.	Atrazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
44.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,02	0,1
45.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,3	1,0

**Ghi chú Remark(s):**

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



# VietLabs

Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/7

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 1/5

Tên khách hàng/ Company<sup>(1)</sup>: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG**  
Địa chỉ/ Address<sup>(1)</sup>: 119 Bạch Đằng, Khu phố 7, Phường Kiến Tường, Tỉnh Tây Ninh  
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: 06/04/2026  
Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 06/04/2026 đến 20/04/2026  
Tên mẫu/ Sample Name<sup>(1)</sup>: **Trạm 3 - Bình Phong Thạnh, xã Mộc Hóa, tỉnh Tây Ninh**  
Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu đựng trong can nhựa/ Sample in plastic cans.**

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**  
[Xem trang kế/ See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

<sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp/ <sup>(1)</sup> Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter designated by the Ministry of Industry and Trade.

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

Phụ trách phòng thí nghiệm  
Officer in charge of Laboratory



**Phạm Lê Tiến Khánh**



Tổng giám đốc  
General Director



**Nguyễn Quốc Toàn**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



**VietLabs**  
Your Trusted Partner

# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Số/No. VL-ABC-260406-004/7

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 2/5

## Kết quả/ result

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
1.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<3
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
4.	Định lượng Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
5.	Độ đục/Turbidity	SMEWW 2130B:2023(a)	NTU	KPH/ND	0,5	2
6.	Độ màu/Color	SMEWW 2120 C:2023(a)	TCU	KPH/ND	6	15
7.	Mùi vị/Odor, Taste	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
8.	Độ cứng/Hardness	SMEWW 2340C:2023(a)	mgCaCO <sub>3</sub> /L	154	-	300
9.	pH/pH value	TCVN 6492: 2011(a)	-	7,65	-	6,0-8,5
10.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/Total Dissolved Solids (TDS)	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	289	-	1000
11.	Hàm lượng Clo tự do (Cl <sub>2</sub> )/Free chlorine content	SMEWW 4500-Cl <sub>2</sub> -B:2023(a)	mg/L	0,33	-	0,2 - 1,0
12.	Chỉ số Pecmanganat/Permanganate index	TCVN 6186:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,5	2

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

### Trung tâm phân tích/Testing Center

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/7

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 3/5

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
13.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)/Ammonium content (NH <sub>3</sub> and NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N)	SMEWW 4500-NH3-C:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	0,3
14.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	28,6	-	200
15.	Hàm lượng Nitrat/Nitrate content	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
16.	Hàm lượng Clorua (Cl-)/Chloride (Cl-) content	SMEWW 4500- Cl-B:2023(a)	mg/L	7,799	-	250 (hoặc 300)(***)
17.	Hàm lượng Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )/Sulfate content	SMEWW4500 (SO42-)- E 2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
18.	Hàm lượng nitrit/Nitrite content	TCVN 6178: 1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
19.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
20.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
21.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	0,0089	-	0,01
22.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
23.	Hàm lượng Cyanua/Total cyanua content	SMEWW 4500-CN-E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
24.	Hàm lượng Sunfua/Sulfide content	TCVN 6637: 2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
25.	Hàm lượng Florua (F-)/Flouride (F-) content	SMEWW 4500 (F-)- D: 2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB-260406-004/7

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 4/5

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
26.	Hàm lượng Mangan (Mn)/Manganese (Mn) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
27.	Hàm lượng Đồng (Cu)/Copper (Cu) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
28.	Hàm lượng Niken (Ni)/Nickel (Ni) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
29.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/Zinc (Zn) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
30.	Hàm lượng Sắt (Fe)/Iron (Fe) content	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
31.	Hàm lượng Nhôm (Al)/Aluminum (Al) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
32.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
33.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
34.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
35.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
36.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
37.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
38.	Phenol và dẫn xuất của Phenol/ Phenols and derivatives	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	Phenol 1, còn lại 0,3	1

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/7

Ngày phát hành/ Issue date : 20/04/2026  
Trang/ Page : 5/5

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCĐP 01:2022/LA
39.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
40.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
41.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
42.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
43.	Atrazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
44.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,02	0,1
45.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,3	1,0

**Ghi chú Remark(s):**

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



# VietLabs

Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Xuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/8

Ngày phát hành/ Issue date : 17/04/2026  
Trang/ Page : 1/4

Tên khách hàng/ Company<sup>(1)</sup>: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG**  
Địa chỉ/ Address<sup>(1)</sup>: 119 Bạch Đằng, Khu phố 7, Phường Kiến Tường, Tỉnh Tây Ninh  
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: 06/04/2026  
Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 06/04/2026 đến 17/04/2026  
Tên mẫu/ Sample Name<sup>(1)</sup>: **Nước đóng chai - KWACO**  
Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu đựng trong can nhựa/ Sample in plastic cans.**

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**  
[Xem trang kế/ See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

<sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp/ <sup>(1)</sup> Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter designated by the Ministry of Industry and Trade.

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs - Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC - Analysis Center.

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

Phụ trách phòng thí nghiệm  
Officer in charge of Laboratory



**Phạm Lê Tiến Khánh**



Tổng giám đốc  
General Director



**Nguyễn Quốc Toàn**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/8

Ngày phát hành/ Issue date : 17/04/2026  
Trang/ Page : 2/4

**Kết quả/ result**

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 6-1:2010/BYT
1.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/250ml	<1	-	0
2.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/250ml	<1	-	0
3.	Định lượng Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/250ml	<1	-	0
4.	Streptococci feacal/Faecal streptococci	TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)	CFU/250ml	<1	-	0
5.	Định lượng số bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit (clostridia)/Enumeration of the spores of sulfite - reducing anaerobes (clostridia)	TCVN 6191-2:1996(a)	CFU/50ml	<1	-	0
6.	Hàm lượng Nitrat/Nitrate content	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	50
7.	Hàm lượng Nitrit/Nitrite content	TCVN 6178: 1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	3
8.	Hàm lượng florua (F-)/Flouride (F-) content	SMEWW 4500 (F-)-D: 2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
9.	Hàm lượng Cyanua/Total cyanua content	SMEWW 4500-CN-E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,07
10.	Hàm lượng Clo tự do (Cl <sub>2</sub> )/Free chlorine content	SMEWW 4500-Cl <sub>2</sub> -B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	5
11.	Hàm lượng Antimon (Sb)/Antimon (Sb) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,02

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260406-004/8

Ngày phát hành/ Issue date : 17/04/2026  
Trang/ Page : 3/4

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 6-1:2010/BYT
12.	Hàm lượng Bari (Ba)/Barium content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,7
13.	Hàm lượng Crom (Cr)/Chromium (Cr) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
14.	Hàm lượng Molybden (Mo)/Molybdenum (Mo) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,07
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/Nickel (Ni) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Selen (Se)/Selenium (Se) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,01
17.	Hàm lượng Boron (B)/Boron (B) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	0,014	-	0,5
18.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,006
19.	Hàm lượng Đồng (Cu)/Copper (Cu) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	2
20.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
21.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
22.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
23.	Hàm lượng Mangan (Mn)/Manganese (Mn) content	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,4
24.	Bromate	VLAB-CH-TP-776	mg/L	KPH/ND	0,005	0,01

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Xuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



**VietLabs**

Your Trusted Partner

# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Số/ No.: VLAB03260406-004/8

Ngày phát hành/ Issue date : 17/04/2026  
Trang/ Page : 4/4



TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 6-1:2010/BYT
25.	Chlorate	VLAB-CH-TP-558(a)	mg/L	KPH/ND	0,02	0,7
26.	Chlorite	TCVN 6494-4:2000 (a),(s)	mg/L	KPH/ND	LOD=0,03	0,7

### Ghi chú/ Remark(s):

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtered volume.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

# VietLabs

Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

### Trung tâm phân tích/Testing Center

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province